

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 16 – 8 – 2017
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mầm.
2. Ông Nguyễn Văn Hành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiêm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 8 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 263/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 231/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/7/2017 và các lời khai tại Tòa án, chị Nguyễn Thị H (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh H1 thành hôn vào năm 2000, nhưng không có đăng ký kết. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, anh H1 có mối quan hệ người phụ nữ khác, thường xuyên đánh đập chị, từ đó vợ chồng cự cãi, hiện tại vợ chồng vẫn còn sống chung. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nay chị yêu cầu được ly hôn với anh H1.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị M, sinh ngày 17/02/1998 và Nguyễn Thúy Đang, sinh ngày 28/6/2003, hiện tại cháu Nguyễn Thúy Đang đang sống với vợ chồng. Sau khi ly hôn chị đồng ý giao cháu Nguyễn Thúy Đang cho anh H1 nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Thị M đã trưởng thành, có lập gia đình riêng nên không đặt ra việc nuôi con và cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Có tài sản nhưng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 04/8/2017 và các lời khai tại Tòa án, anh Nguyễn Văn H1 (bị đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn, thời gian mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn. Anh thừa nhận có lỗi nhưng vì con anh hứa sẽ sửa chữa để vợ chồng sống lại với nhau, anh vẫn còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn, yêu cầu được đoàn tụ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị M, sinh ngày 17/02/1998 và Nguyễn Thúy Đang, sinh ngày 28/6/2003, hiện tại cháu Nguyễn Thúy Đ đang sống với vợ chồng. Nếu ly hôn anh yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Thúy Đ, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Thị M đã trưởng thành, có lập gia đình riêng nên không đặt ra việc nuôi con và cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Có tài sản nhưng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về hôn nhân:* Chị H và anh H1 thành hôn vào năm 2000, nhưng không có đăng ký kết hôn theo đúng quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, hôn nhân của anh, chị không có giá trị pháp lý. Mặc dù anh H1 không đồng ý ly hôn nhưng do anh, chị không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa chị H và anh H1 là vợ chồng là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung:* Anh, chị thống nhất có 02 con chung tên Nguyễn Thị M, sinh ngày 17/02/1998 và Nguyễn Thúy Đ, sinh ngày 28/6/2003, hiện tại cháu Nguyễn Thúy Đang đang sống với vợ chồng. Tại phiên tòa, anh chị đã thống nhất giao cháu Nguyễn Thúy Đ cho anh H1 nuôi. Xét thấy, đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Thúy Đ có nguyện vọng sống với anh H1 theo biên bản lấy lời khai ngày 04/8/2017 nên yêu cầu nuôi con của anh H1 là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H1 giao cháu Nguyễn Thúy Đ cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, anh H1 không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với cháu Nguyễn Thị M đã trưởng thành, có lập gia đình riêng đang có cuộc sống bình thường chị H và anh H1 không đặt ra việc nuôi con và cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] *Về tài sản chung*: Chị H và anh H1 thống nhất có tài sản nhưng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu anh, chị không thỏa thuận được với nhau thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[4] *Về nợ thu, nợ trả*: Chị H và anh H1 thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271 và 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14, 15, 51, 53, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] *Về hôn nhân*: Không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1 là vợ chồng.

[2] *Về con chung*: Giao cho anh Nguyễn Văn H1 được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Nguyễn Thúy Đ, sinh ngày 28/6/2003 và chị Nguyễn Thị H không cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003657 ngày 11/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Phòng NVKT&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Hiền